



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản  
Minh Phú và các công ty con**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết  
thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thông tin về Công ty**

<b>Giấy Chứng nhận</b>	6103000072	ngày 12 tháng 5 năm 2006
<b>Đăng ký Kinh doanh</b>	6103000072 (điều chỉnh lần 1)	ngày 25 tháng 5 năm 2007
	6103000072 (điều chỉnh lần 2)	ngày 12 tháng 11 năm 2007
	2000393273	ngày 23 tháng 6 năm 2010
	2000393273 (điều chỉnh lần 1)	ngày 15 tháng 10 năm 2014

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty và các điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp.

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Lê Văn Quang	Chủ tịch
	Bà Chu Thị Bình	Phó Chủ tịch
	Ông Chu Văn An	Thành viên
	Bà Đinh Ánh Tuyết	Thành viên
	Ông Jean-Eric Jacquemin	Thành viên
	Ông Lê Văn Điệp	Thành viên (từ ngày 18 tháng 4 năm 2015)
	Ông Lê Ngọc Anh	Thành viên (từ ngày 18 tháng 4 năm 2015)
	Bà Lê Thị Dịu Minh	Thành viên (từ ngày 18 tháng 4 năm 2015)

<b>Ban Tổng Giám đốc</b>	Ông Lê Văn Quang	Tổng Giám đốc
	Bà Chu Thị Bình	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Chu Văn An	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Thái Hoàng Hùng	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Tân Anh	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Lê Văn Điệp	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Bùi Anh Dũng	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Lê Ngọc Anh	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Lê Thị Dịu Minh	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 4 tháng 3 năm 2015)

<b>Ban kiểm soát</b>	Ông Phan Văn Dũng	Trưởng ban (đến ngày 17 tháng 4 năm 2015)
	Ông Nguyễn Thiện Tâm	Trưởng ban (từ ngày 18 tháng 4 năm 2015)
	Ông Nguyễn Xuân Toán	Thành viên (đến ngày 17 tháng 4 năm 2015)
	Bà Mai Thị Hoàng Minh	Thành viên (đến ngày 17 tháng 4 năm 2015)
	Ông Trần Văn Khánh	Thành viên (từ ngày 18 tháng 4 năm 2015)
	Bà Nguyễn Thị Hồng Cúc	Thành viên (từ ngày 18 tháng 4 năm 2015)
	Bà Lê Thị Thanh Thủy	Thành viên (từ ngày 18 tháng 4 năm 2015)
	Bà Đỗ Thị Hạnh	Thành viên (từ ngày 18 tháng 4 năm 2015)

<b>Trụ sở đăng ký</b>	Khu Công nghiệp Phường 8 Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau Việt Nam
-----------------------	---

<b>Công ty kiểm toán</b>	Công ty TNHH KPMG Việt Nam
--------------------------	-------------------------------

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 67 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này.

  
Thay mặt Ban Tổng Giám đốc  
  
Lê Văn Quang  
Tổng giám đốc

Tỉnh Cà Mau, ngày 17 tháng 3 năm 2016



**KPMG Limited Branch**  
10<sup>th</sup> Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street  
District 1, Ho Chi Minh City  
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266  
Fax +84 (8) 3821 9267  
Internet www.kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

### **Kính gửi các cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú (“Công ty”) và các công ty con (sau đây gọi chung là “Tập đoàn”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 17 tháng 3 năm 2016, được trình bày từ trang 5 đến trang 67.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh**  
Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 15-01-268



Chong Kwang Puay

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0864-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 3 năm 2016



Nguyễn Thanh Nghị

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0304-2013-007-1

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015**

**Mẫu B 01 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2015 VND</b>	<b>1/1/2015 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> <b>(100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)</b>	<b>100</b>		<b>7.264.438.888.490</b>	<b>7.592.303.033.585</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>8</b>	<b>864.823.486.140</b>	<b>82.925.910.682</b>
Tiền	111		578.823.486.140	39.925.910.682
Các khoản tương đương tiền	112		286.000.000.000	43.000.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>894.002.745.737</b>	<b>1.702.410.149.436</b>
Chứng khoán kinh doanh	121	9(a)	14.811.109.411	14.811.109.411
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	9(a)	(8.378.460.000)	(8.378.460.000)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	9(b)	887.570.096.326	1.695.977.500.025
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.114.455.345.950</b>	<b>1.274.873.460.336</b>
Phải thu của khách hàng	131	10	1.024.840.613.115	1.157.189.525.329
Trả trước cho người bán	132		24.453.712.846	40.563.587.942
Phải thu khác	136	11(a)	67.124.559.526	79.083.886.602
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	12	(1.963.539.537)	(1.963.539.537)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>13</b>	<b>4.312.733.437.709</b>	<b>4.451.447.537.775</b>
Hàng tồn kho	141		4.353.040.535.725	4.484.572.057.212
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(40.307.098.016)	(33.124.519.437)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>78.423.872.954</b>	<b>80.645.975.356</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	17(a)	1.702.953.528	2.495.482.582
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		51.481.759.271	60.977.287.270
Thuế phải thu Ngân sách Nhà nước	153	20(b)	25.239.160.155	17.173.205.504

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2015 VND</b>	<b>1/1/2015 VND</b>
<b>Tài sản dài hạn</b> <b>(200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)</b>	<b>200</b>		<b>1.960.709.044.784</b>	<b>1.693.185.926.493</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>240.968.677.481</b>	-
Phải thu dài hạn khác	216	11(b)	240.968.677.481	-
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.315.798.837.474</b>	<b>1.300.101.963.722</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	14	1.166.508.919.101	1.165.597.485.579
Nguyên giá	222		2.001.193.042.633	1.835.169.365.722
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(834.684.123.532)	(669.571.880.143)
Tài sản cố định vô hình	227	15	149.289.918.373	134.504.478.143
Nguyên giá	228		161.463.696.680	144.429.647.061
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(12.173.778.307)	(9.925.168.918)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>145.000.706.037</b>	<b>250.025.933.670</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	16	145.000.706.037	250.025.933.670
<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>9(c)</b>	<b>114.271.100.000</b>	<b>13.080.000.000</b>
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		107.271.100.000	6.080.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		7.000.000.000	7.000.000.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>144.669.723.792</b>	<b>129.978.029.101</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	17(b)	99.156.557.781	98.226.128.809
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	18	38.048.334.925	21.198.173.506
Lợi thế thương mại	269	19	7.464.831.086	10.553.726.786
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> <b>(270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>9.225.147.933.274</b>	<b>9.285.488.960.078</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>6.981.587.955.942</b>	<b>7.010.269.474.196</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>2.941.719.921.692</b>	<b>6.461.609.164.464</b>
Phải trả người bán	311		185.066.153.541	132.370.318.344
Người mua trả tiền trước	312		15.504.424.887	10.324.243.728
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	313	20(a)	17.331.488.346	25.404.502.169
Phải trả người lao động	314		63.684.615.987	122.082.636.088
Chi phí phải trả	315	21	124.043.225.171	148.866.371.362
Phải trả ngắn hạn khác	319	23(a)	62.164.819.324	23.840.648.743
Vay ngắn hạn	320	24(a)	2.385.554.124.520	5.929.425.299.941
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	26	88.371.069.916	69.295.144.089
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>4.039.868.034.250</b>	<b>548.660.309.732</b>
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	22	39.038.252.385	-
Phải trả dài hạn khác	337	23(b)	4.216.856.000	-
Trái phiếu	338	24(b)	3.968.916.666.671	500.000.000.000
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	18	24.958.626.502	45.606.014.928
Dự phòng dài hạn	342	25	2.737.632.692	3.054.294.804
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>2.243.559.977.332</b>	<b>2.275.219.485.882</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>27</b>	<b>2.243.559.977.332</b>	<b>2.275.219.485.882</b>
Vốn cổ phần	411	28	700.000.000.000	700.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		177.876.869.236	177.876.869.236
Cổ phiếu quỹ	415	28	(80.162.090.861)	(80.162.090.861)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		115.856.340.820	98.893.770.789
Quỹ đầu tư phát triển	418	30	74.079.253.264	47.138.548.094
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		774.411.832.544	843.274.384.403
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		481.497.772.329	488.198.004.221
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> <b>(440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>9.225.147.933.274</b>	<b>9.285.488.960.078</b>

Ngày 17 tháng 3 năm 2016

Người lập:

Lưu Minh Trung  
Kế toán trưởng

Người duyệt:  
  
 Lê Văn Quang  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12**  
**năm 2015**

**Mẫu B 02 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>2015 VND</b>	<b>2014 VND</b>
<b>Doanh thu bán hàng</b>	<b>01</b>	<b>32</b>	<b>12.472.342.348.524</b>	<b>15.224.802.761.482</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>02</b>	<b>32</b>	<b>185.717.938.569</b>	<b>130.061.808.523</b>
<b>Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>32</b>	<b>12.286.624.409.955</b>	<b>15.094.740.952.959</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>33</b>	<b>11.214.768.939.264</b>	<b>13.078.415.992.602</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>1.071.855.470.691</b>	<b>2.016.324.960.357</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	34	270.405.669.954	146.635.796.390
Chi phí tài chính	22	35	440.583.234.855	257.698.717.542
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>217.114.918.977</i>	<i>167.134.344.566</i>
Chi phí bán hàng	25	36	729.270.070.995	694.714.723.573
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	37	164.667.684.883	157.837.686.476
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26)</b>	<b>30</b>		<b>7.740.149.912</b>	<b>1.052.709.629.156</b>
Thu nhập khác	31	38	20.918.014.777	9.762.705.782
Chi phí khác	32	39	16.521.947.296	14.934.290.801
<b>Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>4.396.067.481</b>	<b>(5.171.585.019)</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>12.136.217.393</b>	<b>1.047.538.044.137</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>41</b>	<b>56.579.654.603</b>	<b>112.244.074.336</b>
<b>(Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>52</b>	<b>41</b>	<b>(37.497.549.845)</b>	<b>14.245.634.327</b>
<b>(Lỗ)/lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>(6.945.887.365)</b>	<b>921.048.335.474</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12**  
**năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 02 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>2015 VND</b>	<b>2014 VND</b>
<b>(Lỗ)/lợi nhuận thuần sau thuế TNDN</b> <b>(60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>(6.945.887.365)</b>	<b>921.048.335.474</b>
<b>Phân bổ:</b>				
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		32.446.203.539	755.076.670.570
Lỗ sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(39.392.090.904)	165.971.664.904
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>42</b>	<b>474</b>	<b>10.930</b>

Ngày 17 tháng 3 năm 2016

Người lập:

Người duyệt:

Lưu Minh Trung  
Kế toán trưởng

Lê Văn Quang  
Tổng Giám đốc



*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã</b>	<b>Thuyết</b>	<b>2015</b>	<b>2014</b>
	<b>số</b>	<b>minh</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>12.136.217.393</b>	<b>1.047.538.044.137</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		173.820.736.920	154.693.123.098
Các khoản dự phòng	03		6.394.478.025	3.600.739.283
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(4.721.155.911)	(8.622.178.524)
(Lãi)/lỗ từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	05		(3.085.100.834)	6.719.080.167
Xóa sổ xây dựng cơ bản dở dang	05		3.913.827.619	-
Thu nhập tiền lãi và cổ tức	05		(99.636.721.086)	(86.895.987.151)
Lãi từ thanh lý công ty con	05		(94.558.760.422)	-
Chi phí lãi vay và chi phí phát hành trái phiếu	06		221.031.585.648	167.134.344.566
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>215.295.107.352</b>	<b>1.284.167.165.576</b>
Biến động các khoản phải thu	09		(106.160.210.466)	(152.286.584.556)
Biến động hàng tồn kho	10		191.437.939.783	(1.977.942.198.267)
Biến động các khoản phải trả và nợ khác	11		(81.837.676.116)	(287.036.581.136)
Biến động chi phí trả trước	12		6.198.166.701	2.282.615.538
			<b>224.933.327.254</b>	<b>(1.130.815.582.845)</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(195.424.163.860)	(161.027.571.892)
Thuế thu nhập đã nộp	15		(69.238.625.918)	(52.851.382.432)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(23.141.286.513)	(30.964.920.593)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(62.870.749.037)</b>	<b>(1.375.659.457.762)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã</b>	<b>Thuyết</b>	<b>2015</b>	<b>2014</b>
	<b>số</b>	<b>minh</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(147.619.628.310)	(105.346.176.588)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		5.688.207.167	-
Tiền chi tiền gửi có kỳ hạn	23		(782.500.000.000)	(1.760.700.000.000)
Tiền gửi có kỳ hạn nhận được	24		1.591.706.666.409	202.427.130.255
Tiền chi đầu tư vào các công ty liên kết	25		(5.371.100.000)	(3.900.000.000)
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		138.639.225.723	47.640.622.002
Tiền thuần thu từ thanh lý công ty con	28	7	123.370.911.222	-
Tiền thuần mua công ty con (đã trừ đi số dư tiền của công ty con được mua)	29	6	(3.260.046.575)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>920.654.235.636</b>	<b>(1.619.878.424.331)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền nhận góp vốn từ cổ đông không kiểm soát	31		100.000.000	-
Tiền mua lại cổ phiếu quỹ	32		-	(61.624.685.000)
Tiền vay và trái phiếu nhận được	33		14.211.998.708.364	18.199.610.889.605
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(14.255.869.883.785)	(16.491.849.230.470)
Tiền chi cho việc phát hành trái phiếu	34		(35.000.000.000)	-
Tiền trả cổ tức	35		-	(566.414.210.057)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(78.771.175.421)</b>	<b>1.079.722.764.078</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2015 VND	2014 VND
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		779.012.311.178	(1.915.815.118.015)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		82.925.910.682	2.000.246.094.247
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61		2.885.264.280	(1.505.065.550)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	8	864.823.486.140	82.925.910.682

Ngày 17 tháng 3 năm 2016

Người lập:

Lưu Minh Trung  
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Lê Văn Quang  
Tổng Giám đốc



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

**(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 2000393273 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp ngày 23 tháng 6 năm 2010.

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Công ty và các công ty con, chi tiết được trình bày tại mục (d) dưới đây, (được gọi chung là “Tập đoàn”) và các lợi ích của Tập đoàn trong các công ty liên kết.

**(b) Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Tập đoàn là chế biến và kinh doanh hàng thủy sản; kinh doanh giống thủy sản và thức ăn thủy sản; và kinh doanh máy móc và thiết bị phục vụ cho ngành thủy sản.

**(c) Kỳ kế toán năm**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn trong vòng 12 tháng.

**(d) Cấu trúc Tập đoàn**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tập đoàn có 11 công ty con (1/1/2015: 10 công ty con) chi tiết như sau:

Công ty con	Hoạt động chính	% quyền sở hữu	
		31/12/2015	1/1/2015
Mseafood Corporation	Kinh doanh các sản phẩm thủy sản.	90,0%	90,0%
Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú Hậu Giang	Chế biến và kinh doanh bột cá, các sản phẩm thủy sản, dầu cá sinh học; kinh doanh hàng hóa, nguyên vật liệu, máy móc và thiết bị phục vụ ngành nuôi trồng thủy sản; đầu tư và kinh doanh cơ sở hạ tầng; xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng.	67,5%	67,5%
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Quý	Chế biến và kinh doanh các sản phẩm thủy sản, nhập khẩu nguyên vật liệu, máy móc và thiết bị phục vụ ngành nuôi trồng thủy sản.	97,5%	97,5%

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Công ty con	Hoạt động chính	% quyền sở hữu	
		31/12/2015	1/1/2015
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Phát	Chế biến và kinh doanh các sản phẩm thủy sản, nhập khẩu nguyên vật liệu, máy móc và thiết bị phục vụ ngành nuôi trồng thủy sản.	95,0%	95,0%
Công ty TNHH Thủy hải sản Minh Phú – Kiên Giang	Nuôi trồng thủy sản; chế biến, bảo quản các sản phẩm thủy sản; sản xuất giống thủy sản; kinh doanh máy móc và thiết bị phục vụ ngành nuôi trồng thủy sản.	99,1%	99,1%
Công ty TNHH Sản xuất giống thủy sản Minh Phú	Sản xuất, cung cấp và kinh doanh giống thủy sản; chế biến, bảo quản các sản phẩm thủy sản; kinh doanh thực phẩm và nguyên vật liệu phục vụ ngành chăn nuôi gia súc, gia cầm và nuôi trồng thủy sản.	98,5%	98,5%
Công ty TNHH Nuôi trồng Thủy sản Minh Phú – Lộc An	Nuôi trồng thủy sản; sản xuất và kinh doanh thực phẩm thủy sản, kinh doanh máy móc và thiết bị phục vụ ngành nuôi trồng thủy sản.	100%	100%
Công ty TNHH MTV Sản xuất chế phẩm Sinh học Minh Phú	Sản xuất các sản phẩm sinh học và phân bón phục vụ ngành nông nghiệp.	100%	100%
Công ty TNHH MTV nuôi trồng thủy sản Minh Phú Hòa Điền (*)	Sản xuất giống thủy sản; nuôi trồng, chế biến và bảo quản thủy hải sản; sản xuất và kinh doanh thức ăn thủy sản, mua bán máy móc và thiết bị nông nghiệp; mua bán thức ăn và nguyên liệu gia súc, gia cầm và thủy sản.	-	100%
Công ty TNHH Chuỗi cung ứng Thủy sản Minh Phú	Nuôi trồng sản phẩm thủy sản; chế biến sản phẩm thủy sản; sản xuất thức ăn nuôi trồng thủy sản; kinh doanh máy móc và thiết bị cho nuôi trồng thủy sản.	100%	100%
Ebisumo Logistic Co., Ltd. (**)	Kinh doanh các sản phẩm thủy sản.	100%	-
Công ty Cổ phần Cảng Minh Phú Hậu Giang (xem Thuyết minh 6)	Xây dựng cảng vận tải, cảng dầu khí; kinh doanh dầu khí, kinh doanh các loại máy móc và thiết bị cho sản xuất.	83,72%	-

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (\*) Tại ngày 1 tháng 11 năm 2014, Hội đồng Quản trị đã thông qua Quyết định số 06/BB.HĐQT.2014 về việc giải thể Công ty TNHH Một thành viên Nuôi trồng Thủy sản Minh Phú Hòa Điền. Quá trình giải thể đã được hoàn tất trong năm.
- (\*\*) Tại ngày 15 tháng 5 năm 2015, Hội đồng Quản trị đã thông qua Quyết định số 155/BB.HĐQT.2015 về việc thành lập Ebisumo Logistic Co., Ltd. tại Nhật Bản với vốn pháp định được duyệt là 600.000 USD. Công ty chưa góp vốn tại ngày báo cáo.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có 3 công ty liên kết (1/1/2015: 2 công ty liên kết) chi tiết được trình bày trong Thuyết minh 9(c).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tập đoàn có 12.956 nhân viên (1/1/2015: 14.860 nhân viên).

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

### **(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

### **(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

### **3. Áp dụng Hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp mới ban hành**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp (“Thông tư 200”). Thông tư 200 thay thế cho quy định về Chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Cùng ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất (“Thông tư 202”). Thông tư 202 thay thế cho các hướng dẫn trước đây trong phần XIII Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 cũng có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Tập đoàn đã áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư 200 và Thông tư 202 từ ngày 1 tháng 1 năm 2015. Các thay đổi đáng kể trong chính sách kế toán của Tập đoàn và các ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn, nếu có, được trình bày trong các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất sau đây:

- Cơ sở hợp nhất (thuyết minh 4(a))
- Ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái (thuyết minh 4(b))
- Lãi trên cổ phiếu (thuyết minh 4(s))
- Lợi thế thương mại (thuyết minh 4(k)).

Các thông tư cũng có những thay đổi về việc trình bày một số khoản mục trong bảng cân đối kế toán hợp nhất. Một vài số liệu so sánh đã được phân loại lại để phù hợp với cách trình bày của năm hiện hành. Chi tiết về việc phân loại một vài số liệu so sánh được trình bày trong Thuyết minh 45 của báo cáo tài chính hợp nhất này.

### **4. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

#### **(a) Cơ sở hợp nhất**

##### **(i) Công ty con**

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Các báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát**

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, việc thay đổi quyền sở hữu của Tập đoàn trong một công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ sự kiện này được ghi nhận trực tiếp vào vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, do kết quả từ việc áp dụng Thông tư 202, chênh lệch này được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu. Thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố.

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, lợi ích cổ đông không kiểm soát (trước đây gọi là lợi ích cổ đông thiểu số) được trình bày là một mục riêng trong Nguồn vốn. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, lợi ích cổ đông không kiểm soát được trình bày là một mục riêng trong Vốn chủ sở hữu.

**(iii) Mất quyền kiểm soát**

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tập đoàn dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Lãi hoặc lỗ phát sinh từ sự kiện này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tập đoàn vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

**(iv) Công ty liên kết**

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể hoặc quyền đồng kiểm soát đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(v) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất**

Các số dư trong nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại công ty liên kết.

**(vi) Hợp nhất kinh doanh**

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

**(b) Ngoại tệ**

**(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá thực tế áp dụng cho các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng thương mại.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn nhận tiền từ khách hàng hoặc đối tác.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn dự kiến thanh toán khoản phải trả đó.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí thanh toán ngay bằng ngoại tệ, tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính được xác định như sau:

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là tài sản (tiền và phải thu): dùng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng nơi Tập đoàn gửi tiền hoặc mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là nợ phải trả (phải trả và các khoản vay): dùng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**(ii) Hoạt động ở nước ngoài**

Các tài sản và nợ phải trả của các cơ sở hoạt động ở nước ngoài, bao gồm lợi thế thương mại và các điều chỉnh giá trị hợp lý phát sinh trong quá trình mua, được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập và chi phí của các hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Các chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc quy đổi các hoạt động ở nước ngoài được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch Tỷ giá Hối đoái” thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

**(c) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(d) Các khoản đầu tư**

**(i) Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

**(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(e) Các khoản phải thu**

Phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(f) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của sản phẩm tồn kho, trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(g) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí phân bổ trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- |                          |            |
|--------------------------|------------|
| ▪ nhà cửa                | 5 – 39 năm |
| ▪ máy móc và thiết bị    | 4 – 15 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 5 – 15 năm |
| ▪ thiết bị văn phòng     | 3 – 15 năm |

**(h) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất gồm có:

- quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá và không khấu hao.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(ii) Phần mềm máy tính**

Giá mua của phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 đến 10 năm.

**(i) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(j) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Chi phí trước hoạt động**

Chi phí trước hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, ngoại trừ chi phí thành lập, chi phí đào tạo, quảng cáo, khuyến mại phát sinh từ ngày thành lập cho tới ngày bắt đầu hoạt động. Các chi phí này được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn, được phân ánh theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm kể từ ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh.

**(ii) Chi phí đất trả trước**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 6 đến 20 năm.

**(iii) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(k) Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ), được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Ban Giám đốc xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

Đối với các khoản đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được bao gồm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, lợi thế thương mại trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty liên kết được phân bổ theo phương pháp đường thẳng. Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, do áp dụng Thông tư 200, lợi thế thương mại trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty liên kết không được tiếp tục phân bổ nữa.

**(l) Phải trả người bán và phải trả khác**

Phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

**(m) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

***Dự phòng trợ cấp thôi việc***

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Tập đoàn.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Tập đoàn và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Tập đoàn không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2015 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(n) Trái phiếu phát hành**

***Trái phiếu thường***

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu thường được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành. Các khoản chiết khấu, phụ trội và chi phí phát hành được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

**(o) Vốn cổ phần**

**(i) *Cổ phiếu phổ thông***

Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(ii) *Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)***

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó để phát hành lại, giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

**(m) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày lập bảng cân đối kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày lập bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(p) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

**(ii) Thu nhập lãi tiền gửi**

Thu nhập lãi tiền gửi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(iii) Thu nhập cổ tức**

Cổ tức được ghi nhận như thu nhập khi quyền nhận cổ tức được thiết lập.

**(q) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê đã nhận được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**(r) Chi phí vay**

Chi phí vay được ghi nhận là một khoản chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay trong giai đoạn xây dựng sẽ được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản liên quan.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(s) Lãi trên cổ phiếu**

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu. Công ty không có lãi suy giảm trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty bao gồm cả số phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi, nếu có. Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty được xác định sau khi trừ đi khoản lợi nhuận dự kiến phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi. Thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố.

**(t) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

**(u) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**5. Báo cáo bộ phận**

**(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh**

Tập đoàn gồm các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Nuôi trồng sản phẩm thủy sản
- Chế biến sản phẩm thủy sản
- Kinh doanh sản phẩm thủy sản
- Khác

<i>Năm kết thúc ngày</i> <b>31 tháng 12 năm 2015</b>	<b>Nuôi trồng sản phẩm thủy sản VND</b>	<b>Chế biến sản phẩm thủy sản VND</b>	<b>Kinh doanh sản phẩm thủy sản VND</b>	<b>Khác VND</b>	<b>Loại trừ VND</b>	<b>Hợp nhất VND</b>
Doanh thu bán hàng ra bên ngoài	148.796.000	6.569.636.735.651	5.668.382.008.718	48.456.869.586	-	12.286.624.409.955
Doanh thu giữa các bộ phận	47.420.647.457	8.089.929.364.666	51.602.249.994	97.877.370.570	(8.286.829.632.687)	-
<b>Tổng doanh thu của bộ phận</b>	<b>47.569.443.457</b>	<b>14.659.566.100.317</b>	<b>5.719.984.258.712</b>	<b>146.334.240.156</b>	<b>(8.286.829.632.687)</b>	<b>12.286.624.409.955</b>
<b>Kết quả kinh doanh của bộ phận</b>	<b>(75.353.492.545)</b>	<b>185.774.980.638</b>	<b>52.240.868.080</b>	<b>7.322.468.962</b>	<b>7.932.889.678</b>	<b>177.917.714.813</b>
Doanh thu hoạt động tài chính						270.405.669.954
Chi phí tài chính						(440.583.234.855)
<b>Kết quả từ hoạt động kinh doanh</b>						<b>7.740.149.912</b>
Thu nhập khác						20.918.014.777
Chi phí khác						(16.521.947.296)
Thuế thu nhập doanh nghiệp						(19.082.104.758)
<b>Lỗ thuần</b>						<b>(6.945.887.365)</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

<b>Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014</b>	<b>Nuôi trồng sản phẩm thủy sản VND</b>	<b>Chế biến sản phẩm thủy sản VND</b>	<b>Kinh doanh sản phẩm thủy sản VND</b>	<b>Khác VND</b>	<b>Loại trừ VND</b>	<b>Hợp nhất VND</b>
Doanh thu bán hàng ra bên ngoài	179.722.305	9.466.876.819.579	5.573.262.223.831	54.422.187.244	-	15.094.740.952.959
Doanh thu giữa các bộ phận	43.867.537.283	11.045.350.743.242	45.819.920.161	57.470.262.556	(11.192.508.463.242)	-
<b>Tổng doanh thu của bộ phận</b>	<b>44.047.259.588</b>	<b>20.512.227.562.821</b>	<b>5.619.082.143.992</b>	<b>111.892.449.800</b>	<b>(11.192.508.463.242)</b>	<b>15.094.740.952.959</b>
<b>Kết quả kinh doanh của bộ phận</b>	<b>(30.095.941.235)</b>	<b>1.138.083.193.299</b>	<b>43.964.969.544</b>	<b>21.247.705.385</b>	<b>(9.427.376.685)</b>	<b>1.163.772.550.308</b>
Doanh thu hoạt động tài chính						146.635.796.390
Chi phí tài chính						(257.698.717.542)
<b>Kết quả từ hoạt động kinh doanh</b>						<b>1.052.709.629.156</b>
Thu nhập khác						9.762.705.782
Chi phí khác						(14.934.290.801)
Thuế thu nhập doanh nghiệp						(126.489.708.663)
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế</b>						<b>921.048.335.474</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

<i>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	Nuôi trồng sản phẩm thủy sản VND	Chế biến sản phẩm thủy sản VND	Kinh doanh sản phẩm thủy sản VND	Khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Tài sản của bộ phận	281.974.726.408	7.283.134.202.193	1.849.825.944.332	129.427.067.667	(1.387.056.879.992)	8.157.305.060.608
Đầu tư vào công ty liên kết						107.271.100.000
Tài sản không phân bổ						960.571.772.666
<b>Tổng tài sản</b>						<b>9.225.147.933.274</b>
Nợ phải trả của bộ phận						6.928.831.801.649
Nợ phải trả không phân bổ						52.756.154.293
<b>Tổng nợ phải trả</b>						<b>6.981.587.955.942</b>
<b>Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015</b>						
Chi tiêu vốn	590.114.344	136.309.217.485	-	10.720.296.481	-	147.619.628.310
Khấu hao và phân bổ	21.346.462.595	144.312.036.804	321.880.284	4.751.461.537	3.088.895.700	173.820.736.920

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

<b>Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015</b>	<b>Nuôi trồng sản phẩm thủy sản VND</b>	<b>Chế biến sản phẩm thủy sản VND</b>	<b>Kinh doanh sản phẩm thủy sản VND</b>	<b>Khác VND</b>	<b>Loại trừ VND</b>	<b>Hợp nhất VND</b>
Tài sản của bộ phận	315.931.041.217	7.613.627.174.103	1.957.965.667.031	66.195.865.754	(2.468.531.203.310)	7.485.188.544.795
Đầu tư vào công ty liên kết						6.080.000.000
Tài sản không phân bổ						1.794.220.415.283
<b>Tổng tài sản</b>						<b>9.285.488.960.078</b>
Nợ phải trả của bộ phận	165.641.460.460	7.630.232.911.355	1.580.440.980.172	7.797.638.604	(2.425.556.303.997)	6.958.556.686.594
Nợ phải trả không phân bổ						51.712.787.602
<b>Tổng nợ phải trả</b>						<b>7.010.269.474.196</b>
<b>Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014</b>						
Chi tiêu vốn	8.138.164.351	88.514.898.565	-	8.693.113.672	-	105.346.176.588
Khấu hao và phân bổ	15.506.241.760	131.512.160.783	320.356.424	4.265.468.431	3.088.895.700	154.693.123.098

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Bộ phận chia theo vùng địa lý**

**(i) Doanh thu bộ phận**

	<b>Doanh thu bán ra bên ngoài</b>	
	<b>2015</b>	<b>2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Việt Nam	56.476.139.162	87.668.533.661
Bắc Mỹ	6.455.139.704.585	7.531.971.761.748
Châu Âu	1.197.938.353.329	1.623.703.459.571
Nhật Bản	2.271.946.185.690	3.271.168.741.917
Hàn Quốc	706.027.891.108	1.164.887.885.387
Khác	1.599.096.136.081	1.415.340.570.675
	12.286.624.409.955	15.094.740.952.959
	12.286.624.409.955	15.094.740.952.959

**(ii) Tài sản bộ phận**

	<b>Tổng tài sản</b>	
	<b>31/12/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Việt Nam	7.551.260.469.265	7.348.164.799.186
Bắc Mỹ	1.673.887.464.009	1.937.324.160.892
	9.225.147.933.274	9.285.488.960.078
	9.225.147.933.274	9.285.488.960.078



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**6. Hợp nhất kinh doanh**

Tại 31 tháng 12 năm 2014, Tập đoàn nắm giữ 40% cổ phần của Công ty Cổ phần Cảng Minh Phú Hậu Giang. Vào ngày 10 tháng 4 năm 2015, Tập đoàn đã quyết định mua 60% cổ phần của Công ty Cổ phần Cảng Minh Phú Hậu Giang từ Công ty Cổ phần Đầu tư Long Phụng, một bên liên quan, theo giá gốc. Kết quả là Công ty Cổ phần Cảng Minh Phú Hậu Giang trở thành công ty con sở hữu hoàn toàn từ ngày 10 tháng 4 năm 2015. Tại ngày mua, vốn cổ phần đã được duyệt của Công ty Cổ phần Cảng Minh Phú Hậu Giang vẫn chưa được phát hành đầy đủ.

Việc mua lại này có ảnh hưởng tới tài sản và nợ phải trả của Tập đoàn tại ngày mua như sau:

	Giá trị ghi sổ trước thời điểm mua VND	Các điều chỉnh giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi nhận tại thời điểm mua VND
Tiền	9.953.425	-	9.953.425
Các khoản phải thu – ngắn hạn	272.087.800	-	272.087.800
Tài sản ngắn hạn khác	371.138.840	-	371.138.840
Xây dựng cơ bản dở dang (thuyết minh 16)	9.413.893.104	-	9.413.893.104
Chi phí trả trước dài hạn (thuyết minh 17(b))	59.921.935	-	59.921.935
Phải trả người bán	(4.668.995.104)	-	(4.668.995.104)
Phải trả người lao động	(8.000.000)	-	(8.000.000)
Tài sản thuần có thể xác định được	5.450.000.000	-	5.450.000.000
Giá trị ghi sổ của lợi ích vốn chủ sở hữu đã nắm giữ trước đây (40%) (thuyết minh 9(c))			2.180.000.000
Khoản thanh toán cho việc mua lại			3.270.000.000
Khoản tiền thu được			(9.953.425)
Khoản tiền thanh toán thuần			3.260.046.575

Sau ngày mua, Công ty Cổ phần Cảng Minh Phú Hậu Giang đã phát hành đầy đủ vốn cổ phần đã được duyệt là 200 tỉ VND. Công ty đã mua 9.455.000 cổ phiếu tương đương với 94.550.000.000 VND và nắm giữ 50% cổ phần. Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú Hậu Giang đã mua lại 9.990.000 cổ phiếu tương đương với 99.900.000.000 VND và nắm giữ 49,95% lợi ích. Kết quả là tỷ lệ phần trăm lợi ích vốn chủ sở hữu và lợi ích kinh tế của Tập đoàn đối với Công ty Cổ phần Cảng Minh Phú Hậu Giang lần lượt là 99,95% và 83,72%, dẫn đến các ảnh hưởng sau:

	VND
Giá trị giao dịch, đã trừ đi tiền mặt nhận được	100.000.000
Tài sản thuần suy giảm	(32.567.500.000)
Chênh lệch ghi nhận trong lợi nhuận chưa phân phối (thuyết minh 27)	(32.467.500.000)

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**7. Thanh lý công ty con**

**(a) Thanh lý Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Miền Tây**

Tại ngày 1 tháng 8 năm 2015, Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú Hậu Giang đã thông qua Quyết định số 011.BOD.MPHG 15 về việc thành lập Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Miền Tây và góp vốn đầy đủ bằng tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 8 năm 2015.

Tại ngày 15 tháng 12 năm 2015, Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú Hậu Giang đã thông qua Quyết định số 016.BOD.MPHG 15 về việc thanh lý tất cả vốn góp trong Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Miền Tây, một công ty con, cho một bên thứ ba với giá bán là 63.000.000.000 VND. Sau khi thực hiện giao dịch này, Công ty không còn nắm giữ lợi ích vốn chủ sở hữu trong Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Miền Tây.

Việc thanh lý này có ảnh hưởng tới bảng cân đối kế toán hợp nhất của Tập đoàn tại ngày thanh lý như sau:

	<b>VND</b>
Tiền	20.771.019
Chi phí trả trước ngắn hạn	170.228.981
Tài sản cố định vô hình – nguyên giá (thuyết minh 15)	9.903.492.870
Tài sản cố định vô hình – giá trị hao mòn lũy kế (thuyết minh 15)	(830.602.850)
Phải trả ngắn hạn khác	(191.000.000)
	9.072.890.020
Giá trị ghi sổ tương ứng của tài sản thuần bị thanh lý	9.072.890.020
Lãi ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (thuyết minh 34)	53.927.109.980
	63.000.000.000
Giá bán	63.000.000.000
Phải thu từ thanh lý	(33.000.000.000)
	30.000.000.000
Tiền thu từ thanh lý	30.000.000.000
Số dư tiền của công ty con bị thanh lý	(20.771.019)
	29.979.228.981
Dòng tiền từ thanh lý công ty con - đã trừ đi số dư tiền của công ty con bị thanh lý	29.979.228.981

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn đã nhận được 30 tỷ VND từ bên thứ ba. Sau đó, khoản phải thu còn lại 33 tỷ VND đã thu được vào ngày 15 tháng 1 năm 2016.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Thanh lý Công ty TNHH Mekong Logistic**

Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông của Công ty Cổ phần Cảng Minh Phú Hậu Giang vào ngày 16 tháng 6 năm 2015 đã quyết định thành lập một công ty con sở hữu hoàn toàn, Công ty TNHH Mekong Logistic. Sau khi thành lập, Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Cảng Minh Phú Hậu Giang đã quyết định bán 51% lợi ích kinh tế trong Công ty TNHH Mekong Logistic cho một bên thứ ba. Kết quả là Công ty TNHH Mekong Logistic trở thành công ty liên kết.

Việc thanh lý này có ảnh hưởng tới bảng cân đối kế toán hợp nhất của Tập đoàn tại ngày thanh lý như sau:

	<b>VND</b>
Tiền	8.608.317.759
Trả trước cho người bán	56.167.245.455
Xây dựng cơ bản dở dang (thuyết minh 16)	55.552.872.889
Chi phí trả trước dài hạn (thuyết minh 17(b))	1.661.070
	120.330.097.173
Giá trị ghi sổ tương ứng của tài sản thuần bị thanh lý (51%)	61.368.349.558
Lãi ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (thuyết minh 34)	40.631.650.442
	102.000.000.000
Tiền thu từ thanh lý	102.000.000.000
Số dư tiền của công ty con bị thanh lý	(8.608.317.759)
	93.391.682.241
Giá trị ghi sổ tương ứng của tài sản thuần được giữ lại (49%)	58.961.747.615
Lãi chưa thực hiện do đánh giá lại tài sản góp cho công ty liên kết (thuyết minh 22)	39.038.252.385
	98.000.000.000
Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào Công ty TNHH Mekong Logistic sau khi thanh lý (thuyết minh 9(c))	98.000.000.000

**8. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	4.117.069.597	2.358.070.841
Tiền gửi ngân hàng	574.706.416.543	37.567.839.841
Các khoản tương đương tiền	286.000.000.000	43.000.000.000
	864.823.486.140	82.925.910.682
	864.823.486.140	82.925.910.682

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**9. Các khoản đầu tư tài chính**

**(a) Chứng khoán kinh doanh**

	31/12/2015			1/1/2015				
	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND
Đầu tư ngắn hạn vào cổ phiếu:								
▪ Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Việt Nam	141.800	6.004.500.000	952.000.000	(4.359.160.000)	141.800	6.004.500.000	903.840.000	(4.359.160.000)
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư & Xây dựng số 8	112.000	5.263.000.000	1.446.360.000	(4.019.300.000)	112.000	5.263.000.000	1.985.200.000	(4.019.300.000)
▪ Công ty Cổ phần cơ điện lạnh	8	80.000	201.600	-	8	80.000	194.400	-
▪ Công ty cổ phần công nghệ mới Kim Tự Tháp Việt Nam	18.823	272.941.176	449.681.470	-	18.823	272.941.176	451.563.770	-
▪ Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển	125.882	3.270.588.235	2.265.876.000	-	125.882	3.270.588.235	3.165.932.300	-
		14.811.109.411	5.114.119.070	(8.378.460.000)		14.811.109.411	6.506.730.470	(8.378.460.000)

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	<b>31/12/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền gửi có kỳ hạn	887.570.096.326	1.695.977.500.025

Khoản này phản ánh khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới một năm và hưởng lãi suất năm dao động từ 5,0% đến 7,0% trong năm (2014: từ 6,0% đến 8,1%).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, tiền gửi có kỳ hạn với giá trị ghi sổ là 687.070 triệu VND (1/1/2015: 1.073.200 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho khoản vay của Tập đoàn (thuyết minh 24(a)).

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

**Ngày 31 tháng 12 năm 2015**

Đầu tư góp vốn vào:

**Công ty liên kết**

- Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Nuôi Trồng Thủy Sản Minh Phú Aquamekong
- Công ty TNHH Mekong Logistic (\*)
- Công ty TNHH Thực phẩm Việt Nam (\*\*)

Địa chỉ	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	49,0%	49,0%	3.900.000.000	(***)	-
Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam	41,0%	49,0%	98.000.000.000	(***)	-
Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	23,6%	35,0%	5.371.100.000	(***)	-
			107.271.100.000		-
<b>Đơn vị khác</b>					
▪ Công ty Cổ phần Hạ tầng Sài Gòn – Cà Mau Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	10,0%	10,0%	7.000.000.000	(***)	-
			114.271.100.000		-

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

<b>Ngày 1 tháng 1 năm 2015</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>% sở hữu</b>	<b>% quyền biểu quyết</b>	<b>Giá gốc VND</b>	<b>Giá trị hợp lý VND</b>	<b>Dự phòng giảm giá VND</b>
<b>Đầu tư góp vốn vào:</b>						
<b>Công ty liên kết</b>						
▪ Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Nuôi Trồng Thủy Sản Minh Phú Aquamekong	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	49,0%	49,0%	3.900.000.000	(***)	-
▪ Công ty Cổ phần Cảng Minh Phú Hậu Giang	Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam	40,0%	40,0%	2.180.000.000	(***)	-
				6.080.000.000		-
<b>Đơn vị khác</b>						
▪ Công ty Cổ phần Hạ tầng Sài Gòn – Cà Mau	Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	10,0%	10,0%	7.000.000.000	(***)	-
				13.080.000.000		-

(\*) Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông của Công ty Cổ phần Cảng Minh Phú Hậu Giang vào ngày 16 tháng 6 năm 2015 đã quyết định thành lập một công ty con sở hữu hoàn toàn, Công ty TNHH Mekong Logistic. Sau khi thành lập, Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Cảng Minh Phú Hậu Giang đã quyết định bán 51% lợi ích kinh tế trong Công ty TNHH Mekong Logistic cho một bên thứ ba. Kết quả là Công ty TNHH Mekong Logistic trở thành công ty liên kết.

(\*\*) Tại ngày 1 tháng 8 năm 2015, Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú Hậu Giang đã thông qua Quyết định số 011.BOD.MPHG 15 về việc đầu tư 5.371.100.000 VND và nắm giữ 35% lợi ích vốn chủ sở hữu trong Công ty TNHH Thực phẩm Việt Nam. Kết quả là tỷ lệ phần trăm lợi ích vốn chủ sở hữu và lợi ích kinh tế của Tập đoàn đối với Công ty TNHH Thực phẩm Việt Nam lần lượt là 35% và 26.3%. Công ty TNHH Thực phẩm Việt Nam trở thành công ty liên kết.

(\*\*\*) Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**10. Phải thu của khách hàng**

**(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng chính**

	<b>31/12/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Censea Inc.	208.362.590.678	204.234.435.988
Kailis Bros PTY Ltd	133.140.037.118	111.401.039.038
Các khách hàng khác	683.337.985.319	841.554.050.303
	1.024.840.613.115	1.157.189.525.329

**(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan:**

	<b>31/12/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty liên kết</b>		
Công ty Cổ phần Hạ tầng Sài Gòn – Cà Mau	2.058.898.500	2.058.898.500
	2.058.898.500	2.058.898.500

Khoản phải thu từ bên liên quan không được đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu hồi theo yêu cầu.

Trong phải thu khách hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 454.473 triệu VND (1/1/2015: 560.607 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (thuyết minh 24).



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**11. Phải thu khác**

**(a) Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi phải thu	14.055.860.918	53.058.365.555
Phải thu từ thanh lý công ty con	33.000.000.000	-
Cho người lao động vay (*)	4.300.361.909	5.838.761.909
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế phải thu người lao động	2.383.050.863	3.008.306.749
Tạm ứng cho nhân viên	2.116.731.258	4.093.053.605
Ký quỹ ngắn hạn	-	1.135.186.165
Các khoản phải thu khác	11.268.554.578	11.950.212.619
	<b>67.124.559.526</b>	<b>79.083.886.602</b>

(\*) Khoản này thể hiện khoản tiền cho người lao động vay, không được đảm bảo, không hưởng lãi và được hoàn trả theo yêu cầu.

**(b) Phải thu dài hạn khác**

Theo Luật Chống bán phá giá của Hoa Kỳ, Công ty Cổ phần Mseafood (“Mseafood”), một công ty con, phải nộp thuế chống bán phá giá theo quyết định thường niên của Bộ Thương mại Hoa Kỳ (“DOC”). Mỗi năm, Mseafood phải tạm nộp thuế chống bán phá giá theo mức thuế suất tạm tính do DOC qui định. Sau đó, thuế chống bán phá giá sẽ được quyết toán và thanh toán dựa theo quyết định hàng năm.

Các khoản phải thu dài hạn khác thuộc về Mseafood phản ánh khoản trả trước thuế chống bán phá giá. Chi tiết khoản phải thu này như sau:

	<b>31/12/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến ngày 30 tháng 9 năm 2015	214.693.346.100	-
Giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015	26.275.331.381	-
	<b>240.968.677.481</b>	<b>-</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**12. Nợ xấu và nợ khó đòi**

	31/12/2015		1/1/2015			
	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
Nợ quá hạn						
Công ty TNHH Chế biến và xuất nhập khẩu Thủy hải sản Việt Hải	2 – 3 năm	982.302.147	-	982.302.147	-	982.302.147
Công ty Cổ phần Nuôi trồng và chế biến Thủy sản Mỏ Ó Sóc Trăng	2 – 3 năm	771.913.390	-	771.913.390	-	771.913.390
Công ty TNHH Thanh Bình	2 – 3 năm	209.324.000	-	209.324.000	-	209.324.000
		<b>1.963.539.537</b>	<b>-</b>	<b>1.963.539.537</b>	<b>-</b>	<b>1.963.539.537</b>
Trong đó:						
Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn				1.963.539.537		1.963.539.537

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**13. Hàng tồn kho**

	31/12/2015		1/1/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	23.689.618.439	-	801.717.688	-
Nguyên vật liệu	120.548.459.934	-	142.899.967.589	-
Công cụ và dụng cụ	6.436.274.665	-	6.723.830.143	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	68.155.627.012	-	48.945.047.113	-
Thành phẩm	4.134.210.555.675	(40.307.098.016)	4.285.201.494.679	(33.124.519.437)
	<u>4.353.040.535.725</u>	<u>(40.307.098.016)</u>	<u>4.484.572.057.212</u>	<u>(33.124.519.437)</u>

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2015 VND	2014 VND
Số dư đầu năm	33.124.519.437	26.966.731.348
Tăng dự phòng trong năm	46.356.949.014	24.535.298.066
Hoàn nhập	(39.962.470.989)	(18.522.710.238)
Chênh lệch tỷ giá	788.100.554	145.200.261
	<u>40.307.098.016</u>	<u>33.124.519.437</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 3.292.565 triệu VND (1/1/2015: 3.006.719 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (thuyết minh 24).

Trong thành phẩm tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 có 841.226 triệu VND (1/1/2015: 676.591 triệu VND) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**14. Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	685.620.763.410	981.125.488.930	148.709.188.180	19.713.925.202	1.835.169.365.722
Tăng trong năm	2.181.909.092	94.579.252.581	5.607.072.973	299.299.843	102.667.534.489
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	42.238.779.869	24.588.422.000	-	42.450.000	66.869.651.869
Thanh lý	-	(4.004.524.017)	(132.091.370)	-	(4.136.615.387)
Chênh lệch quy đổi tỷ giá	592.357.349	-	-	30.748.591	623.105.940
Số dư cuối năm	730.633.809.720	1.096.288.639.494	154.184.169.783	20.086.423.636	2.001.193.042.633
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	171.205.335.478	434.090.831.533	56.032.424.396	8.243.288.736	669.571.880.143
Khấu hao trong năm	45.694.173.665	102.920.093.730	16.699.467.648	2.239.382.770	167.553.117.813
Thanh lý	-	(2.464.310.517)	(132.091.370)	-	(2.596.401.887)
Chênh lệch quy đổi tỷ giá	125.137.010	-	-	30.390.453	155.527.463
Số dư cuối năm	217.024.646.153	534.546.614.746	72.599.800.674	10.513.061.959	834.684.123.532
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	514.415.427.932	547.034.657.397	92.676.763.784	11.470.636.466	1.165.597.485.579
Số dư cuối năm	513.609.163.567	561.742.024.748	81.584.369.109	9.573.361.677	1.166.508.919.101

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản với nguyên giá là 121.328 triệu VND được khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 (1/1/2015: 91.575 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 615.262 triệu VND (1/1/2015: 783.098 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn (thuyết minh 24).

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**15. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn VND	Quyền sử dụng đất có xác định thời hạn VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu năm	18.050.904.660	123.627.822.571	2.750.919.830	144.429.647.061
Tăng trong năm	-	-	770.015.000	770.015.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	-	26.629.341.500	26.629.341.500
Thanh lý	-	(1.162.404.001)	-	(1.162.404.001)
Thanh lý công ty con (thuyết minh (7a))	-	(9.903.492.870)	-	(9.903.492.870)
Chênh lệch quy đổi tỷ giá	700.589.990	-	-	700.589.990
	<hr/>			
Số dư cuối năm	18.751.494.650	112.561.925.700	30.150.276.330	161.463.696.680
<hr/>				
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm	-	8.435.560.570	1.489.608.348	9.925.168.918
Khấu hao trong năm	-	2.387.684.027	791.039.380	3.178.723.407
Thanh lý	-	(99.511.168)	-	(99.511.168)
Thanh lý công ty con (thuyết minh (7a))	-	(830.602.850)	-	(830.602.850)
	<hr/>			
Số dư cuối năm	-	9.893.130.579	2.280.647.728	12.173.778.307
<hr/>				
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số dư đầu năm	18.050.904.660	115.192.262.001	1.261.311.482	134.504.478.143
Số dư cuối năm	18.751.494.650	102.668.795.121	27.869.628.602	149.289.918.373

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá là 2.742 triệu VND đã được khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 (1/1/2015: 2.177 triệu VND), nhưng vẫn còn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 tài sản cố định vô hình với giá trị ghi sổ là 86.845 triệu VND (1/1/2015: 64.070 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (thuyết minh 24).

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**16. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>2015</b> <b>VND</b>	<b>2014</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	250.025.933.670	230.730.922.603
Tăng trong năm	44.182.078.821	41.773.198.639
Phân loại lại từ tài sản ngắn hạn khác	-	49.253.326.800
Tăng do hợp nhất kinh doanh (thuyết minh 6)	9.413.893.104	-
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(66.869.651.869)	(66.195.140.508)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(26.629.341.500)	(116.000.000)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(5.655.505.681)	(5.420.373.864)
Xóa sổ	(3.913.827.619)	-
Thanh lý công ty con (thuyết minh 7(b))	(55.552.872.889)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	145.000.706.037	250.025.933.670

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	<b>31/12/2015</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2015</b> <b>VND</b>
Nhà cửa	32.972.225.543	147.963.627.095
Quyền sử dụng đất	97.360.504.552	49.407.753.668
Phần mềm kế toán	-	20.959.234.000
Máy móc	3.560.994.364	3.497.358.000
Khác	11.106.981.578	28.197.960.907
	<hr/>	<hr/>
	145.000.706.037	250.025.933.670

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**17. Chi phí trả trước**

**(a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

Chi phí công cụ và dụng cụ trả trước

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
	1.702.953.528	2.495.482.582

**(b) Chi phí trả trước dài hạn**

Số dư đầu năm  
Tăng trong năm  
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang  
Tăng do hợp nhất kinh doanh (thuyết minh 6)  
Thanh lý công ty con (thuyết minh 7(b))  
Phân bổ trong năm

	Chi phí đất trả trước VND	Chi phí trước hoạt động VND	Công cụ và dụng cụ VND	Khác VND	Tổng VND
	52.087.730.817	646.627.312	39.370.982.130	6.120.788.550	98.226.128.809
	-	-	35.437.937.230	-	35.437.937.230
	-	-	5.655.505.681	-	5.655.505.681
	-	-	59.921.935	-	59.921.935
	-	-	(1.661.070)	-	(1.661.070)
	(3.286.794.648)	(646.627.312)	(30.167.064.294)	(6.120.788.550)	(40.221.274.804)
Số dư cuối năm	48.800.936.169	-	50.355.621.612	-	99.156.557.781

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, chi phí trả trước dài hạn với giá trị ghi sổ là 1.357 triệu VND (1/1/2015: 4.517 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (thuyết minh 24(a)).

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**18. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận

	Thuế suất	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:			
Lợi nhuận chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ Tập đoàn	52%	19.989.457.765	19.768.453.684
Các khoản dự phòng	10%	29.439.883	1.429.719.822
Lãi chưa thực hiện do đánh giá lại tài sản góp cho công ty liên kết	22%	8.588.415.525	-
Giá trị thuế của các khoản lỗ mang sang	5%	9.441.021.752	-
		<hr/>	
Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại		38.048.334.925	21.198.173.506
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:			
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư vào công ty con	10%	(24.762.347.389)	(43.451.918.275)
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	10%	(196.279.113)	(2.154.096.653)
		<hr/>	
Tổng thuế thu nhập hoãn lại phải trả		(24.958.626.502)	(45.606.014.928)
		<hr/>	
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại/(thuế thu nhập hoãn lại phải trả) thuần		13.089.708.423	(24.407.841.422)

**19. Lợi thế thương mại**

	VND
<b>Giá gốc</b>	
Số dư đầu năm và số dư cuối năm	30.888.957.000
	<hr/>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu năm	20.335.230.214
Khấu hao trong năm	3.088.895.700
	<hr/>
Số dư cuối năm	23.424.125.914
	<hr/>
<b>Giá trị ghi sổ</b>	
Số dư đầu năm	10.553.726.786
Số dư cuối năm	7.464.831.086
	<hr/>



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**20. Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước**

**(a) Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước**

	1/1/2015 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Cán trừ VND	Chênh lệch quy đổi tỷ giá VND	31/12/2015 VND
Thuế giá trị gia tăng	1.467.679.371	7.602.576.679	(8.600.534.495)	-	-	469.721.555
Thuế xuất nhập khẩu	-	22.372.307.267	(22.372.307.267)	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	22.516.001.966	56.579.654.603	(54.645.411.347)	(8.949.440.014)	89.795.766	15.590.600.974
Thuế thu nhập cá nhân	1.409.601.232	8.667.882.164	(8.806.767.579)	-	-	1.270.715.817
Các loại thuế khác	11.219.600	135.030.545	(145.800.145)	-	-	450.000
	25.404.502.169	95.357.451.258	(94.570.820.833)	(8.949.440.014)	89.795.766	17.331.488.346

**(b) Thuế phải thu Ngân sách Nhà nước**

	1/1/2015 VND	Số đã nộp trong năm VND	Số đã được hoàn lại trong năm VND	31/12/2015 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	273.715.276	14.593.214.571	-	14.866.929.847
Thuế xuất nhập khẩu	16.839.024.763	-	(7.027.577.736)	9.811.447.027
Thuế thu nhập cá nhân	60.465.465	520.639.588	(20.321.772)	560.783.281
	17.173.205.504	15.113.854.159	(7.047.899.508)	25.239.160.155

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*



**21. Chi phí phải trả**

	<b>31/12/2015</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2015</b> <b>VND</b>
Thuế chống bán phá giá phải trả cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 2 năm 2008 đến ngày 31 tháng 1 năm 2009	-	7.480.880.092
Thuế chống bán phá giá phải trả cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 2 năm 2009 đến ngày 31 tháng 1 năm 2010	-	16.097.997.474
Thuế chống bán phá giá phải trả cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 2 năm 2010 đến ngày 31 tháng 1 năm 2011	-	4.262.376.251
Thuế chống bán phá giá phải trả cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 2 năm 2012 đến ngày 31 tháng 1 năm 2013	83.969.328.994	54.754.580.589
Thuế chống bán phá giá phải trả cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 2 năm 2013 đến ngày 31 tháng 1 năm 2014	37.994.001.633	23.399.650.272
Dịch vụ thuê ngoài phải trả	2.079.894.544	1.678.291.000
Lương và thưởng	-	41.192.595.684
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>
	124.043.225.171	148.866.371.362

Thuế chống bán phá giá phải trả tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 chưa được quyết toán. Thuế chống bán phá giá tại và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 được trả và ghi nhận trực tiếp trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc tin rằng thuế chống phá giá cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ nhất quán với tỷ lệ quyết toán cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 2 năm 2011 đến ngày 31 tháng 1 năm 2012 là 0% theo tư vấn từ luật sư.

**22. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn**

	<b>31/12/2015</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2015</b> <b>VND</b>
Lãi chưa thực hiện do đánh giá lại tài sản góp vào một công ty liên kết (Thuyết minh 7(c))	39.038.252.385	-
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**23. Phải trả khác**

**(a) Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi vay phải trả	27.797.527.791	6.106.772.674
Cổ tức phải trả	4.379.739.291	2.619.368.300
Tiền nhận ký quỹ ngắn hạn	7.524.694.852	6.698.010.222
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn	3.678.815.570	1.678.478.386
Tiền thuê đất phải trả	4.058.505.504	4.324.025.452
Tạm ứng từ một bên thứ ba (*)	7.140.634.883	-
Lãi vay phải trả	708.008.981	392.099.083
Cổ tức phải trả	6.876.892.452	2.021.894.626
	62.164.819.324	23.840.648.743

(\*) Khoản này phản ánh tạm ứng tiền mặt nhận được từ một bên thứ ba theo thỏa thuận hợp tác liên doanh ngày 12 tháng 8 năm 2015 để nuôi trồng và kinh doanh thủy sản.

**(b) Phải trả dài hạn khác**

	<b>31/12/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Ký quỹ dài hạn nhận được	4.216.856.000	-
	4.216.856.000	-

Phải trả khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 1 tháng 1 năm 2015 không quá hạn.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**24. Vay và trái phiếu**

**(a) Vay ngắn hạn**

	1/1/2015		Biến động trong năm		31/12/2015	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	5.929.425.299.941	5.929.425.299.941	10.711.998.708.364	(14.255.869.883.785)	2.385.554.124.520	2.385.554.124.520

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	<b>Lãi suất năm</b>	<b>31/12/2015 VND</b>	<b>1/1/2015 VND</b>
<b>Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau</b>			
Khoản vay 1	VND 5,0%	764.100.136.557	-
Khoản vay 2	VND 5,0%	18.370.579.932	-
Khoản vay 3	VND 5,0%	831.009.062.191	-
Khoản vay 4	JPY 2,8% - 3,0%	-	28.829.670.190
Khoản vay 5	USD 2,4%	-	2.351.540.412.592
Khoản vay 6	USD 2,4%	-	24.686.844.600
Khoản vay 7	USD 2,4%	-	57.548.674.280
Khoản vay 8	USD 2,4%	-	1.814.507.930.212
<b>Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau</b>			
Khoản vay 1	VND 4,7% - 5,0%	312.221.609.610	-
Khoản vay 2	VND 4,7% - 5,0%	115.544.370.180	-
Khoản vay 3	USD 2,4%	-	189.730.695.320
Khoản vay 4	USD 2,4%	-	569.967.688.220
<b>Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau</b>			
Khoản vay 1	VND 4,7% - 5,0%	315.300.918.770	-
Khoản vay 2	USD 2,2% - 2,4%	-	892.613.384.527
<b>Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam</b>			
Khoản vay 1	VND 5,0%	29.007.447.280	-
			<b>2.385.554.124.520</b>
			<b>5.929.425.299.941</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các khoản vay ngân hàng được bảo đảm bằng các tài sản của Tập đoàn như sau:

	<b>Giá trị ghi sổ tại ngày</b>	
	<b>31/12/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (tiền gửi có kỳ hạn) (thuyết minh 9(b))	678.070.096.326	1.073.200.000.000
Phải thu khách hàng (thuyết minh 10)	212.776.000.238	560.606.997.260
Hàng tồn kho (thuyết minh 13)	1.986.749.874.765	3.006.718.546.100
Tài sản cố định hữu hình (thuyết minh 14)	335.907.164.351	783.097.604.776
Tài sản cố định vô hình (thuyết minh 15)	2.175.874.192	64.069.869.789
Chi phí trả trước dài hạn (thuyết minh 17(b))	1.356.937.172	4.517.028.663
	<b>3.217.035.947.044</b>	<b>5.492.210.046.588</b>

**(b) Trái phiếu**

Điều khoản và điều kiện của trái phiếu doanh nghiệp dài hạn hiện còn số dư như sau:

	<b>Loại tiền</b>	<b>Lãi suất (năm)</b>	<b>Năm đáo hạn</b>	<b>31/12/2015 VND</b>	<b>1/1/2015 VND</b>
Trái phiếu doanh nghiệp dài hạn không chuyển đổi					
Lô 1 (*)	VND	9,65%	2017	500.000.000.000	500.000.000.000
Lô 2 (**)	VND	7,50%	2020	2.477.916.666.669	-
Lô 3 (***)	VND	7,50%	2020	991.000.000.002	-
				<b>3.968.916.666.671</b>	<b>500.000.000.000</b>

(\*) Trái phiếu doanh nghiệp với mệnh giá 1 tỷ đồng được phát hành vào ngày 17 tháng 9 năm 2014 là trái phiếu không được đảm bảo và không chuyển đổi. Trái phiếu doanh nghiệp chịu lãi suất 9,65% trong năm đầu tiên; từ năm thứ hai, lãi suất được tính dựa vào lãi suất tiền gửi bình quân của bốn ngân hàng (Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng TMPC Ngoại thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam) cộng 2,65%. Trái phiếu sẽ được hoàn trả toàn bộ vào ngày 25 tháng 9 năm 2017.

(\*\*) Trái phiếu doanh nghiệp với mệnh giá 1 tỷ đồng được phát hành vào ngày 20 tháng 5 năm 2015 được đảm bảo bằng khoản đầu tư tài chính dài hạn vào các công ty con với giá trị ghi sổ là 514.250 triệu VND và không chuyển đổi. Trái phiếu sẽ được hoàn trả toàn bộ vào ngày 20 tháng 5 năm 2020. Trái phiếu được trình bày theo mệnh giá trừ đi chi phí phát hành. Chi phí phát hành được tính phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(\*\*\*) Trái phiếu doanh nghiệp với mệnh giá 1 tỷ đồng được phát hành vào ngày 3 tháng 7 năm 2015 được đảm bảo lần lượt bằng khoản phải thu khách hàng (241.697 triệu VND) (thuyết minh 10), hàng tồn kho (1.305.815 triệu VND) (thuyết minh 13), tài sản cố định hữu hình (279.355 triệu VND) (thuyết minh 14) và tài sản cố định vô hình (84.669 triệu VND) (thuyết minh 15) và không chuyển đổi. Trái phiếu sẽ được hoàn trả toàn bộ vào ngày 3 tháng 7 năm 2020. Trái phiếu được trình bày theo mệnh giá trừ đi chi phí phát hành. Chi phí phát hành được tính phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

## 25. Dự phòng dài hạn

Biến động dự phòng dài hạn trong năm như sau:

	<b>Trợ cấp thôi việc</b>	
	<b>2015</b>	<b>2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	3.054.294.804	3.359.663.105
Trích lập dự phòng trong năm	-	860.646.804
Sử dụng dự phòng trong năm	(316.662.112)	(1.166.015.105)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	2.737.632.692	3.054.294.804
	<hr/>	<hr/>

## 26. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được lập bằng cách trích từ lợi nhuận chưa phân phối theo quyết định của các cổ đông tại cuộc họp đại hội đồng cổ đông của Tập đoàn. Quỹ này được dùng để chi trả tiền thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty và các công ty con theo chính sách thưởng và phúc lợi của Tập đoàn. Biến động quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm như sau:

	<b>2015</b>	<b>2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	69.295.144.089	74.576.029.040
Trích từ lợi nhuận chưa phân phối	27.101.848.228	32.091.405.133
Phân loại lại sang phải thu khác	-	(23.852.696.398)
Sử dụng quỹ	(8.025.922.401)	(13.519.593.686)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	88.371.069.916	69.295.144.089
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**27. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014</b>	700.000.000.000	177.876.869.236	(18.537.405.861)	93.674.067.633	46.193.076.413	585.138.995.010	436.327.670.345	2.020.673.272.776
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	755.076.670.570	165.971.664.904	921.048.335.474
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(61.624.685.000)	-	-	-	-	(61.624.685.000)
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	-	19.568.019.222	(19.568.019.222)	-	-
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(32.091.405.133)	-	(32.091.405.133)
Có tức (Thuyết minh 29)	-	-	-	-	-	(448.288.090.000)	(114.018.300.607)	(562.306.390.607)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	(16.279.311.802)	-	-	(16.279.311.802)
Chênh lệch quy đổi tỷ giá	-	-	-	5.219.703.156	-	-	579.967.018	5.799.670.174
Phân bổ vào lợi ích cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	(2.343.235.739)	3.006.233.178	(662.997.439)	-
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015</b>	700.000.000.000	177.876.869.236	(80.162.090.861)	98.893.770.789	47.138.548.094	843.274.384.403	488.198.004.221	2.275.219.485.882
Cổ đông không kiểm soát góp vốn	-	-	-	-	-	-	100.000.000	100.000.000
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trong năm	-	-	-	-	-	32.446.203.539	(39.392.090.904)	(6.945.887.365)
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	-	41.739.407.170	(41.739.407.170)	-	-
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(27.101.848.228)	-	(27.101.848.228)
Có tức (Thuyết minh 29)	-	-	-	-	-	-	(1.760.370.991)	(1.760.370.991)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	(14.798.702.000)	-	-	(14.798.702.000)
Chênh lệch quy đổi tỷ giá	-	-	-	16.962.570.031	-	-	1.884.730.003	18.847.300.034
Giao dịch với cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	(32.467.500.000)	32.467.500.000	-
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015</b>	700.000.000.000	177.876.869.236	(80.162.090.861)	115.856.340.820	74.079.253.264	774.411.832.544	481.497.772.329	2.243.559.977.332



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**28. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

	31/12/2015		1/1/2015	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	70.000.000	700.000.000.000	70.000.000	700.000.000.000
<b>Cổ phiếu quỹ</b>				
Cổ phiếu phổ thông	(1.537.150)	(80.162.090.861)	(1.537.150)	(80.162.090.861)
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	68.462.850	619.837.909.139	68.462.850	619.837.909.139

Tất cả các cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm.

**29. Cổ tức**

Trong năm, Công ty không công bố cổ tức (2014: 6.500 VND một cổ phiếu tương đương với 448.288 triệu VND).

**30. Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**31. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**(a) Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<b>31/12/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	4.843.200.084	3.221.966.000
Trong vòng hai đến năm năm	11.923.125.147	11.032.080.000
	<b>16.766.325.231</b>	<b>14.254.046.000</b>

**(b) Ngoại tệ các loại**

	<b>31/12/2015</b>		<b>1/1/2015</b>	
	<b>Nguyên tệ</b>	<b>Tương đương VND</b>	<b>Nguyên tệ</b>	<b>Tương đương VND</b>
USD	324.460.415	540.568.762.313	160.497	3.431.425.860
JPY	91.665.403	17.049.765.702	463.109	82.896.511
		<b>557.618.528.015</b>		<b>3.514.322.371</b>

**(c) Cam kết chi tiêu vốn**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	<b>31/12/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	83.605.999.898	88.966.170.870
	<b>83.605.999.898</b>	<b>88.966.170.870</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**32. Doanh thu bán hàng**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	<b>2015</b>	<b>2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng doanh thu		
▪ Thành phẩm đã bán	11.453.604.479.235	14.116.022.303.440
▪ Hàng hóa đã bán	990.279.764.142	1.074.298.858.179
▪ Phế liệu đã bán	22.189.834.008	32.205.594.081
▪ Khác	6.268.271.139	2.276.005.782
	12.472.342.348.524	15.224.802.761.482
Các khoản giảm trừ		
▪ Giảm giá hàng bán	(2.595.923.854)	(4.620.478.680)
▪ Hàng bán bị trả lại	(183.122.014.715)	(125.441.329.843)
	(185.717.938.569)	(130.061.808.523)
Doanh thu thuần	12.286.624.409.955	15.094.740.952.959

**33. Giá vốn hàng bán**

	<b>2015</b>	<b>2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thành phẩm đã bán	10.230.252.322.636	12.027.084.721.363
Hàng hóa đã bán	973.134.982.198	1.043.335.905.707
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	6.394.478.025	6.012.587.828
Khác	4.987.156.405	1.982.777.704
	11.214.768.939.264	13.078.415.992.602

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**34. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2015</b>	<b>2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thu nhập lãi tiền gửi	99.322.016.086	82.559.627.833
Cổ tức	314.705.000	4.336.359.318
Lãi chênh lệch tỷ giá	74.701.247.324	59.739.809.239
Lãi từ thanh lý công ty con	94.558.760.422	-
Khác	1.508.941.122	-
	270.405.669.954	146.635.796.390

**35. Chi phí tài chính**

	<b>2015</b>	<b>2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lãi vay	217.114.918.977	167.134.344.566
Lỗ chênh lệch tỷ giá	212.760.758.625	78.069.620.158
Chi phí phát hành trái phiếu	3.916.666.671	-
Khác	6.790.890.582	12.494.752.818
	440.583.234.855	257.698.717.542

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**36. Chi phí bán hàng**

	<b>2015</b>	<b>2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhân viên	29.600.769.655	29.349.630.391
Chi phí nguyên vật liệu	1.243.356.769	1.981.517.731
Chi phí công cụ và dụng cụ	2.084.487.173	2.414.070.989
Chi phí khấu hao	695.180.772	182.598.599
Chi phí vận chuyển	270.436.176.818	278.989.569.421
Chi phí thuê nhà kho	123.135.866.797	91.849.817.636
Phí hoa hồng	266.031.096.561	251.160.639.487
Phí giám sát	4.733.124.609	3.311.409.365
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.087.335.684	12.740.434.861
Chi phí khác	28.222.676.157	22.735.035.093
	<hr/>	<hr/>
	729.270.070.995	694.714.723.573
	<hr/>	<hr/>

**37. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>2015</b>	<b>2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhân viên	77.972.163.911	81.381.022.713
Chi phí nguyên vật liệu	9.812.442.484	5.978.926.715
Dụng cụ văn phòng	426.547.681	593.535.396
Chi phí khấu hao	11.564.652.974	9.467.140.933
Phí và lệ phí	675.737.607	942.502.960
Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.805.568.153	23.443.218.870
Phí ngân hàng	7.279.685.985	8.016.748.465
Chi phí khác	26.130.886.088	28.014.590.424
	<hr/>	<hr/>
	164.667.684.883	157.837.686.476
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**38. Thu nhập khác**

	<b>2015</b> <b>VND</b>	<b>2014</b> <b>VND</b>
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	3.085.100.834	-
Các khoản giảm thuế chống bán phá giá nhận được	13.690.059.302	-
Bồi thường nhận được	-	5.119.956.307
Các khoản khác	4.142.854.641	4.642.749.475
	<b>20.918.014.777</b>	<b>9.762.705.782</b>

**39. Chi phí khác**

	<b>2015</b> <b>VND</b>	<b>2014</b> <b>VND</b>
Lỗ từ thanh lý tài sản cố định	-	6.719.080.167
Lỗ từ xóa sổ xây dựng cơ bản dở dang	3.913.827.619	-
Các khoản bị phạt	4.962.608.385	1.531.530.007
Các khoản khác	7.645.511.292	6.683.680.627
	<b>16.521.947.296</b>	<b>14.934.290.801</b>

**40. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>2015</b> <b>VND</b>	<b>2014</b> <b>VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	8.292.718.494.084	13.252.761.976.200
Chi phí nhân công	1.020.649.326.065	1.098.176.369.461
Chi phí khấu hao và phân bổ	173.820.736.920	154.693.123.098
Chi phí dịch vụ mua ngoài	746.564.546.633	646.257.235.361
Chi phí khác	570.564.938.105	646.752.220.677

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**41. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	<b>2015</b> <b>VND</b>	<b>2014</b> <b>VND</b>
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Năm hiện hành	62.341.078.548	109.669.788.405
Dự phòng (thừa)/thiếu trong những năm trước	(5.761.423.945)	2.574.285.931
	<hr/> 56.579.654.603	<hr/> 112.244.074.336
<b>(Lợi ích)/chi phí thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	(37.497.549.845)	14.245.634.327
	<hr/> 19.082.104.758	<hr/> 126.489.708.663

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>2015</b> <b>VND</b>	<b>2014</b> <b>VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	12.136.217.393	1.047.538.044.137
Thuế theo thuế suất của Công ty	1.213.621.739	230.458.369.710
Chi phí không được khấu trừ thuế	2.728.235.732	1.860.558.352
Ưu đãi thuế	-	(101.747.449.929)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	4.217.119.922	615.458.327
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác nhau áp dụng cho công ty con	16.684.551.310	(7.271.513.728)
Dự phòng (thừa)/thiếu trong những năm trước	(5.761.423.945)	2.574.285.931
	<hr/> 19.082.104.758	<hr/> 126.489.708.663

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận phản ánh lỗ tính thuế của các công ty con của Công ty vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để công ty con có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(c) Thuế suất áp dụng**

**Công ty**

Theo các điều khoản trong Luật Thuế thu nhập, Công ty có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trên lợi nhuận chịu thuế đối với các hoạt động chế biến và sản xuất thủy sản và mức thuế suất thuế thu nhập thông thường đối với các hoạt động kinh doanh.

**Các Công ty con**

**Công ty Cổ phần Mseafood (“Mseafood”)**

Theo các điều khoản của luật thuế Hoa Kỳ, Mseafood có nghĩa vụ nộp hai loại thuế thu nhập doanh nghiệp sau:

- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho tiểu bang: theo thuế suất 8,84% trên lợi nhuận chịu thuế. Trong trường hợp lỗ, Mseafood vẫn phải trả khoản tiền thuế tối thiểu là 800 Đô la Mỹ.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho cục thuế liên bang: theo mức thuế cao hơn giữa lợi nhuận tính thuế nhân với thuế suất lũy tiến hoặc 20% của lợi nhuận chịu thuế.

**Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú Hậu Giang (“Minh Phú - Hậu Giang”)**

Theo các điều khoản của Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Minh Phú - Hậu Giang có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trên lợi nhuận chịu thuế từ năm 2011 đến năm 2026 và 20% cho những năm sau đó. Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Minh Phú - Hậu Giang cũng cho phép công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2012 đến năm 2015 và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2016 đến năm 2024. Tất cả các ưu đãi thuế trên không áp dụng cho các thu nhập khác, thu nhập này chịu thuế suất thuế thu nhập thông thường.

**Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Quý (“Minh Quý”)**

Theo các điều khoản trong Luật Thuế thu nhập, Minh Quý có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất thuế thu nhập thông thường trên lợi nhuận chịu thuế.

**Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Phát (“Minh Phát”)**

Theo các điều khoản trong Luật Thuế thu nhập, Minh Phát có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất thuế thu nhập thông thường trên lợi nhuận chịu thuế.

**Công ty TNHH Thủy hải sản Minh Phú - Kiên Giang (“Minh Phú - Kiên Giang”)**

Theo các điều khoản của Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Minh Phú – Kiên Giang có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trên lợi nhuận chịu thuế từ năm 2006 đến năm 2020 và 20% cho những năm sau đó. Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Minh Phú - Kiên Giang cũng cho phép công ty được miễn thuế từ năm 2007 đến năm 2009 và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2010 đến năm 2018.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

***Công ty TNHH Sản xuất giống Thủy sản Minh Phú (“Giống Thủy sản Minh Phú”)***

Theo các điều khoản của Giấy Chứng nhận Đầu tư, Giống Thủy sản Minh Phú có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trên lợi nhuận chịu thuế từ năm 2006 đến năm 2020 và 20% cho những năm sau đó. Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư của Giống Thủy sản Minh Phú cũng cho phép công ty được miễn thuế từ năm 2009 đến năm 2012 và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2013 đến năm 2019.

***Công ty TNHH Nuôi trồng Thủy sản Minh Phú - Lộc An (“Minh Phú - Lộc An”)***

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư, Minh Phú - Lộc An có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất thuế thu nhập thông thường trên lợi nhuận tính thuế. Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư cũng cho phép Minh Phú - Lộc An được miễn thuế thu nhập trong một năm đầu kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế và giảm 50% cho bốn năm tiếp theo. Luật thuế thu nhập doanh nghiệp cũng quy định rằng nếu Minh Phú - Lộc An không phát sinh lợi nhuận chịu thuế trong ba năm liên tiếp từ năm đầu tiên Minh Phú - Lộc An có doanh thu thì thời gian miễn thuế trên sẽ được tính bắt đầu từ năm thứ tư dù có lợi nhuận chịu thuế hay không. Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất thuế thu nhập thông thường.

***Công ty TNHH một thành viên sản xuất chế phẩm Sinh học Minh Phú (“Minh Phú Sinh học”)***

Theo các điều khoản của Giấy Chứng nhận Đầu tư, Minh Phú Sinh học có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trên lợi nhuận chịu thuế từ năm 2009 đến năm 2023 và 20% cho những năm sau đó. Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư của Minh Phú Sinh học cũng cho phép công ty được miễn thuế từ năm 2009 đến năm 2012 và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2013 đến năm 2021.

***Công ty TNHH Chuỗi cung ứng Thủy sản Minh Phú (“Minh Phú Chuỗi cung ứng”)***

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Minh Phú Chuỗi cung ứng có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất thuế thu nhập thông thường trên lợi nhuận chịu thuế.

***Công ty Cổ phần Cảng Minh Phú Hậu Giang***

Theo các điều khoản của Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Công ty Cổ phần Cảng Minh Phú Hậu Giang có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất thuế thu nhập thông thường trên lợi nhuận chịu thuế.

Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 22% cho năm 2015 và mức này sẽ giảm xuống 20% từ năm 2016 do sự thay đổi của Luật Thuế thu nhập.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**42. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

**(i) Lợi nhuận thuần thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông**

	<b>2015</b>	<b>2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận thuần trong năm	32.446.203.539	755.076.670.570
Số dự kiến phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-
	32.446.203.539	755.076.670.570
Lợi nhuận thuần thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	32.446.203.539	755.076.670.570

- (\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Ban Tổng giám đốc chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận thuần cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi do không chắc chắn liệu các cổ đông có phê duyệt việc trích này hay không trong tình hình kết quả lỗ trong năm 2015.

**(ii) Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông**

	<b>2015</b>	<b>2014</b>
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	68.462.850	69.369.440
Ảnh hưởng của mua lại cổ phiếu quỹ trong năm	-	(289.234)
	68.462.850	69.080.206
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông tại thời điểm cuối năm	68.462.850	69.080.206

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**43. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài số dư với các bên liên quan được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất này, trong năm Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan như sau:

	<b>2015</b>	<b>2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty liên kết</b>		
<b>Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Nuôi Trồng Thủy Sản Minh Phú Aquamekong</b>		
Góp vốn	-	3.900.000.000
<b>Công ty TNHH Mekong Logistic</b>		
Góp vốn bằng tiền và tài sản các loại	98.000.000.000	-
<b>Cổ đông</b>		
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư Long Phụng</b>		
Thuê văn phòng	2.259.261.422	2.232.550.049

**Các nhân sự chủ chốt**

Lương thưởng và trợ cấp trả cho các nhân sự chủ chốt như sau:

	<b>2015</b>	<b>2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lương thưởng và trợ cấp	14.791.310.960	18.029.482.581

**44. Các giao dịch phi tiền tệ**

	<b>2015</b>	<b>2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Cần trừ các khoản phải thu dài hạn với các khoản phải trả đối với khoản thuế chống phá giá	-	75.821.969.160
Cần trừ thuế giá trị gia tăng được hoàn với thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	8.949.440.014	48.386.624.564
Phân loại lại các khoản đầu tư ngắn hạn sang phải thu khác	-	7.306.508.578

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)



**45. Số liệu so sánh**

Như đã trình bày trong Thuyết minh 3, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Tập đoàn áp dụng Thông tư 200 và Thông tư 202. Do việc thay đổi chính sách kế toán này, việc trình bày một số khoản mục báo cáo tài chính có thay đổi. Một số số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 đã được phân loại lại để phù hợp với quy định trong Thông tư 200 và Thông tư 202 về trình bày báo cáo tài chính. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước và sau khi được phân loại lại như sau:

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất:**

	1/1/2015 VND (phân loại lại)	1/1/2015 VND (theo báo cáo trước đây)
Chứng khoán kinh doanh	14.811.109.411	-
Các khoản đầu tư ngắn hạn	-	1.710.788.609.436
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn	1.695.977.500.025	-
Tài sản ngắn hạn khác	-	5.228.239.770
Các khoản phải thu khác	79.083.886.602	73.855.646.832
Đầu tư dài hạn khác	-	7.000.000.000
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	7.000.000.000	-
Dự phòng trợ cấp thôi việc	-	3.054.294.804
Dự phòng dài hạn	3.054.294.804	-
Quỹ đầu tư phát triển	47.138.548.094	24.382.564.541
Quỹ dự phòng tài chính	-	22.755.983.553
Quỹ khác	-	79.806.684.935
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	843.274.384.403	763.467.699.468

Ngày 17 tháng 3 năm 2016

Người lập:

Lưu Minh Trung  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Lê Văn Quang  
Tổng Giám đốc